

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ và ông Trần Xuân Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Minh C, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/6/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày:

1.1. Về hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Lê Minh C vào ngày 20/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C chơi bời, cờ bạc. Chị nói anh C không nghe còn xúc phạm, chửi bới và đánh đập chị nhiều lần. Do không chịu đựng nổi sự chửi bới đánh đập của anh C nên đến đầu tháng 02/2022 chị đã thuê nhà ra ở riêng. Từ khi chị ra ngoài ở riêng, anh C cũng đã nhiều lần

điện thoại chửi bới, xúc phạm chị, cấm đoán chị trong việc thăm nom con cho nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai người không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ do vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn anh C để sớm ổn định cuộc sống.

1.2. Về con chung: Chị xác định chị và anh C có 01 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2017. Ly hôn chị đề nghị Tòa án: Giao cho anh C được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Việt A. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Việt A cùng anh C mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu Việt A đủ 18 tuổi.

Chị xác định chị làm nghề tự do nên không có tài liệu chứng minh mức thu nhập để giao nộp cho Tòa án nhưng chị xác định thu nhập của chị đủ chi tiêu và cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C.

Chị đề nghị Tòa án yêu cầu anh C không được ngăn cản chị trong việc chị thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Việt A. Nếu anh C ngăn cản chị thì chị sẽ được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Chị xác định hiện tại chị không có thai.

1.3. Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Lê Minh C không chấp hành giấy triệu tập của Tòa, không tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nên không có quan điểm trình bày.

[3] Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H giữ nguyên quan điểm giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản như đã trình bày. Chị xác định việc anh C không tham gia phiên tòa là cố tình nhằm gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, do vậy chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc anh C vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B có quan điểm:

* Về tố tụng, TAND huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án tại tòa và xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội

khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H với anh C. Xử lý hôn giữa chị H và anh C.

- Về con chung: Giao cháu Lê Việt A cho anh C nuôi dưỡng, chăm sóc. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Việt A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm; án phí cấp dưỡng nuôi con: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

I. Về tố tụng: Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”; bị đơn – anh Lê Minh C đăng ký thường trú và đang sinh sống tại thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam do vậy Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về giải quyết vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Minh C tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 20/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; trước khi cưới hai người được tự nguyện tìm hiểu. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng ở thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C ham chơi, không quan tâm đến vợ con. Chị H khuyên bảo nhưng anh C không nghe còn xúc phạm, chửi bới và đánh đập chị H nhiều lần. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất vào đầu tháng 02/2022, chị H đã phải thuê nhà ra ở riêng. Từ khi chị ra ngoài ở riêng, anh C cũng đã nhiều lần điện thoại chửi bới, xúc phạm chị, cấm đoán chị trong việc thăm nom con cho nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H luôn có quan điểm mong muốn được ly hôn anh C. Anh C mặc dù được Tòa án thông báo cho biết Tòa đang thụ lý giải quyết vụ án chị H kiện ly hôn anh C nhưng anh C không tham gia tố tụng. Việc làm này thể hiện anh C không mong muốn vợ chồng đoàn tụ và chỉ nhằm gây khó khăn trong việc chị H kiện ly hôn.

Xét trên thực tế mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh C xảy ra đã lâu; đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ tháng 02/2022 đến nay, khả năng anh chị đoàn tụ về chung sống là không còn do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; xử cho chị H ly hôn anh C là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Minh C có 01 con chung là cháu Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2017.

Xét cháu A từ nhỏ đến nay đều ở với anh C tại nhà ông bà nội. Từ khi chị H và anh C sống ly thân, cháu A vẫn được chăm sóc phát triển bình thường. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H; giao cháu A cho anh C nuôi dưỡng sau ly hôn; chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A cho anh C mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung của vợ chồng, tài sản công sức, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (ruộng cấy), nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng (công nợ), trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị H tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C không tham gia tố tụng tại Tòa án để trình bày quan điểm do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết những vấn đề này. Nếu sau này chị H, anh C xảy ra tranh chấp về tài sản thì có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội khóa 13 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Lê Minh C.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Việt A, sinh ngày 21/4/2017 cho anh Lê Minh C nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi cháu Lê Việt A cho anh Lê Minh C mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện hàng tháng.

Anh C và các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2021/0000548 ngày 05/6/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải chịu. Chị Hà còn phải tiếp tục nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A; huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(đã ký)